

Số: 589/TM-BVTTHN
V/v mời báo giá mua sắm trực tiếp

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu (theo hình thức mua sắm trực tiếp) cho gói thầu **Cung cấp hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn năm 2023 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội trong thời gian chờ kết quả đấu thầu rộng rãi** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Địa chỉ: Ngõ 467 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội

Số điện thoại: 024.6269.0603

Email: phongtbyt.bvtthn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, Ngõ 467 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

- Nhận qua email: Bảng PDF và file mềm gửi về Hộp thư điện tử: phongtbyt.bvtthn@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá:

Từ 14h00 ngày 18 tháng 8 năm 2023 đến trước 16h30 ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2023.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế yêu cầu báo giá, bao gồm: 24 khoản, trong đó:

- Hóa chất xét nghiệm sinh hóa (18 khoản),
- Hóa chất xét nghiệm huyết học (05 khoản),
- Hóa chất xét nghiệm điện giải (01 khoản)

Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, Ngõ 467 đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

3. Thời gian giao hàng: Quý III, Quý IV năm 2023.

4. Các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán theo tiến độ giao hàng.
- Thời hạn thanh toán: Theo thoả thuận.

5. Các thông tin khác:

- Đơn vị chào giá cung cấp:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm.
- Hồ sơ năng lực của đơn vị Báo giá.
- Thông báo mời thầu của gói thầu trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế.

- Hợp đồng trúng thầu (thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế): có mặt hàng tương tự về nội dung (trùng với mặt hàng bệnh viện mời thầu), tính chất và quy mô (số lượng đã trúng thầu không nhỏ hơn 90% số lượng mời thầu), và được ký không quá 10 tháng tính đến ngày 28/08/2023.

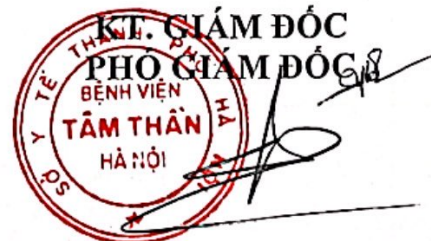
- Lưu ý:

Đơn giá chào giá không cao hơn đơn giá của Hợp đồng đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế. (Hợp đồng được ký trong vòng 10 tháng tính đến ngày 28/08/2023)

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDKHKHKT;
- Phòng TCKT;
- Tổ CNTT (website bệnh viện)
- Lưu: VT, VT-TBYT.



Trần Quyết Thắng

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 589/TM-BVTTHN ngày 17/08/2023 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội)

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
HÓA CHẤT SINH HÓA tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa M400 (cài đặt và sử dụng được trên máy M400)				
1.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ure Phương pháp đo: Urease / Glutamate dehydrogenase. Dải đo: 0,42 - 50 mmol/L.	1025	ml
2.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine Phương pháp đo: Jaffe. Dải đo: 2,65 - 1768 μ mol/L.	1025	ml
3.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Thuốc thử định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1,67 - 800 U/L	1000	ml
4.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	Thuốc thử định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1,6 - 800 U/L.	1000	ml
5.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose Phương pháp đo: Glucose oxidase/ peroxidase. Dải đo: 0,0126 - 27,5 mmol/L.	410	ml
6.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm cholesterol. Phương pháp đo: Cholesterol oxidase/peroxidase. Dải đo: 0,008 - 26 mmol/L.	410	ml
7.	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người.	50	ml
8.	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 Dạng bột đông khô. Thành phần: huyết thanh người.	50	ml
9.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm acid uric Phương pháp đo: Uricase / peroxidase. Dải đo: 1,19 - 1487 μ mol/L.	410	ml

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
10.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ -Glutamyltransferase (GGT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glutamyltransferase (GGT) Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1,6 -600 U/L.	400	ml
11.	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	50	ml
12.	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa Thành phần: Dung dịch rửa chứa Natri hydroxyd 4%, Triton X-100 10%.	1500	ml
13.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase. Phương pháp đo: IFCC Dải đo: 9,2 - 1300 U/L.	100	ml
14.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Thuốc thử định lượng nồng độ Albumin trong máu. Phương pháp đo: Bromocresol green. Dải đo: 1,1 - 70 g/L.	505	ml
15.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm triglycerides Phương pháp đo: Glyccrol phosphate oxidase/oxidase. Dải đo: 0,018 - 6,78 mmol/L.	205	ml
16.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1 Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	6	ml
17.	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2 Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	6	ml
18.	Hoá chất dùng cho xét nghiệm CK-MB	Hoá chất dùng cho xét nghiệm CK-MB Phương pháp đo: Immunoinhibition Dải đo: 3 -1000 U/L.	100	ml
HÓA CHẤT ĐIỆN GIẢI tương thích với máy xét nghiệm điện giải ISE5000 (cài đặt và sử dụng được trên máy ISE5000)				
19.	Bộ hoá chất dùng cho máy phân tích điện giải 5 thông số	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, pI trong mẫu huyết thanh/ nước tiểu pha loãng. Thành phần: buffer < 0,1 %, Inorganic salts < 3,0 %, Preservative < 0,05 %.	3000	ml

STT	Danh mục	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
HÓA CHẤT HUYẾT HỌC tương thích với máy xét nghiệm huyết học XN-1000 (cài đặt và sử dụng được trên máy XN-1000)				
20.	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Sodium chloride 0,7%; Tris buffer 0,2%; EDTA-2K 0,02%	140	lít
21.	Hóa chất ly giải tính số lượng bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono, và bạch cầu ưa axit	Sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,07%; Nonionic surfactant 0,17%.	10	lít
22.	Hóa chất ly giải đếm số lượng bạch cầu, bạch cầu ái kiềm, hồng cầu nhân	Sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,20%; Nonionic surfactant 0,10%.	10	lít
23.	Hóa chất nhuộm nhân để xác định các tế bào bạch cầu, bạch cầu ái kiềm và hồng cầu nhân	Sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân. Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày. Thành phần: Polymethine 0,005%; Ethylene Glycol 99,9%.	164	ml
24.	Hóa chất ly giải hồng cầu	Sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. Bảo quản: 1 - 30 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày. Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1,7 g/L.	1500	ml

